

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BH
TỈNH ĐN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **270/2021/HNGĐ-ST**

Ngày: 19/11/2021

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA- TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Q

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn C

Bà Thiều Thị Phi L

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố BH, tỉnh ĐN.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố BH, tỉnh ĐN tham gia phiên tòa: Ông Mai Văn Th – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố BH, tỉnh ĐN xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1364/2021/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2021, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 215/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2021, Thông báo số: 501/TB-TA ngày 26/10/2021 và Thông báo số: 586/TB-TA ngày 11/11/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Trần Thị Tr**, sinh năm 1991.

Hồ khẩu thường trú: 12/P2, khu phố 1, phường LBT, thành phố BH, tỉnh ĐN.

Tạm trú: Số nhà 120, ấp TB, xã BM, huyện TB, tỉnh ĐN.

- Bị đơn: Anh **Phạm Thành Tr1**, sinh năm 1988.

HKTT: 12/P2, khu phố 1, phường LBT, thành phố BH, tỉnh ĐN.

(Chị Tr, anh Tr1 có đơn xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn chị Trần Thị Tr trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Phạm Thành Tr1 đăng ký kết hôn năm 2013 tại Ủy ban nhân dân phường LBT, thành phố BH, tỉnh ĐN, hôn nhân tự nguyện không ai ép buộc. Quá trình chung sống hạnh phúc sau đó thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm thường xuyên cãi

vả nhau và vợ chồng đã ly thân được 2 năm nay. Hiện nay anh Tr1 đang đi điều trị nghiện ma túy tự nguyện tại Cơ sở điều trị nghiện ma túy tỉnh ĐN. Nhận thấy cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Tr1.

- Về con chung: Chị Tr xác định có 02 con chung cháu Phạm Trần Đan N, sinh ngày 08/4/2014 và cháu Phạm Thành Đức H, sinh ngày 26/02/2017. Ly hôn chị xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai cháu, tạm thời không yêu cầu anh Tr1 phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Chị Tr xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết
Về nợ chung: Chị Tr xác định không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Theo bản tự khai - bị đơn anh Phạm Thành Tr1 trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Trần Thị Tr đăng ký kết hôn năm 2013 tại Ủy ban nhân dân phường LBT, thành phố BH, tỉnh ĐN, hôn nhân tự nguyện không ai ép buộc. Trong quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2019 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chị Tr nghi ngờ anh ngoại tình và chị Tr bỏ về nhà cho mẹ ruột sinh sống tại TB cuối năm 2019 cho đến nay. Thời gian ly thân hai vợ chồng không còn quan tâm đến nhau. Nay chị Tr xin ly hôn với anh, anh đồng ý ly hôn.

Hiện nay anh đang đi điều trị nghiện ma túy tự nguyện tại Cơ sở điều trị nghiện ma túy tỉnh ĐN - ấp CR, xã SC, huyện XL, tỉnh ĐN từ ngày 14/4/2021 đến ngày 14/10/2021.

- Về con chung: Anh Tr1 xác định có 02 con chung cháu Phạm Trần Đan N, sinh ngày 08/4/2014 và cháu Phạm Thành Đức H, sinh ngày 26/02/2017. Ly hôn anh xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con chung và không yêu cầu chị Tr cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh Tr1 xác định không có nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Ngoài bản tự khai thì anh không có tài liệu, chứng cứ gì nộp cho Toà án.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố BH:

+ Về việc kiểm sát chấp hành pháp luật tố tụng: Về quan hệ pháp luật, tư cách đương sự và thẩm quyền giải quyết, Tòa án đã xác định đúng theo quy định pháp luật. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đảm bảo theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự. Tòa án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục theo quy định pháp luật.

+ Về việc giải quyết tranh chấp: Từ các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ có đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn nguyên đơn chị Trần Thị Tr, cho chị Trần Thị Tr được ly hôn với anh Phạm Thành Tr1; Giao cháu Phạm Trần Đan N, sinh ngày 08/4/2014 và

cháu Phạm Thành Đức H, sinh ngày 26/02/2017 cho chị Tr được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm thời anh Tr1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung; Về tài sản chung, nợ chung: Chị Tr, anh Tr1 khai không có nên không xem xét giải quyết; Về án phí: Chị Trần Thị Tr phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, thủ tục tố tụng:

Chị Trần Thị Tr khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phạm Thành Tr1. Căn cứ vào Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật được xác định là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”. Căn cứ vào Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự xác định chị Trần Thị Tr là nguyên đơn còn anh Phạm Thành Tr1 là bị đơn.

- Về thẩm quyền giải quyết: Anh Phạm Thành Tr1 có hộ khẩu thường trú tại thành phố BH, tỉnh ĐN và hiện nay đang sinh sống tại thành phố BH, tỉnh ĐN. Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xác định yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Tr thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố BH, tỉnh ĐN.

- Về thủ tục tố tụng: Ngày 24/6/2021 anh Phạm Thành Tr1 có đơn xin vắng mặt tại các phiên tòa khi xét xử. Ngày 30/6/2021 chị Trần Thị Tr có đơn xin vắng mặt tại các phiên tòa khi xét xử. Theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt chị Tr, anh Tr1.

[2] Về nội dung tranh chấp:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Chị Trần Thị Tr và anh Phạm Thành Tr1 tự nguyện kết hôn vào năm năm 2013 tại Ủy ban nhân dân phường LBT, thành phố BH, tỉnh ĐN. Được Ủy ban nhân dân phường phường LBT, thành phố BH, tỉnh ĐN, cấp giấy chứng nhận kết hôn số 137/2013 quyển số 02/2012 ngày 05/7/2013. Đối chiếu quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân gia đình năm 2000, xác định đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của chị Tr là có cơ sở chấp nhận, bởi lẽ theo quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì vợ chồng có nghĩa vụ yêu thương, quý trọng chăm sóc giúp đỡ lẫn nhau để cùng xây dựng gia đình hạnh phúc nhưng quá trình chung sống xảy ra quá nhiều mâu thuẫn, vợ chồng bất hoà về quan điểm sống không thể hoà giải được và sống ly thân với nhau từ năm 2019 cho đến nay không ai còn quan tâm đến nhau nữa. Đồng thời quá trình chung sống anh Tr1 nghiện ma túy phải đi điều trị tại cơ sở điều trị nghiện ma túy tỉnh ĐN. Như vậy, thể hiện mục đích hôn nhân giữa chị Tr và anh Tr1 không đạt được, vợ chồng không còn chung sống, không còn quan tâm, yêu thương, chăm sóc lẫn nhau nữa. Quá trình giải quyết Tòa án

đã tiến hành hoà giải nhưng chị Tr vẫn cương quyết ly hôn do không còn tình cảm gì với anh Tr1 nữa. Tại bản tự khai ngày 24/6/2021 anh Tr1 cũng đồng ý ly hôn. Do đó, Tòa án căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận cho chị Trần Thị Tr được ly hôn với anh Phạm Thành Tr1.

- **Về con chung:** Chị Trần Thị Tr và anh Phạm Thành Tr1 xác định có 02 con chung cháu Phạm Trần Đan N, sinh ngày 08/4/2014 và cháu Phạm Thành Đức H, sinh ngày 26/02/2017. Ly hôn chị Tr xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con chung, tạm thời không yêu cầu anh Tr1 cấp dưỡng nuôi con. Anh Tr1 cũng xin trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng nuôi dưỡng cháu N và cháu H, tạm thời anh Tr1 không chị Tr phải cấp dưỡng nuôi hai con chung.

Xét về điều kiện nuôi con: Hiện nay chị Tr đang trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và có công việc làm và mức thu nhập ổn định. Bản thân anh Tr1 nghiện ma túy nên không thể trực tiếp chăm sóc con chung. Tại bản tự khai ngày 30/6/2021 cháu Phạm Trần Đan N trình bày khi bố mẹ ly hôn cháu có nguyện vọng được ở với mẹ Trần Thị Tr, còn cháu Phạm Thành Đức H còn nhỏ cần được sự chăm sóc của mẹ hơn. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Tr, giao cháu Phạm Trần Đan N, sinh ngày 08/4/2014 và cháu Phạm Thành Đức H, sinh ngày 26/02/2017 cho chị Tr trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, tạm thời anh Tr1 không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Tr1 được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

- **Về tài sản chung:** Không có, không xem xét giải quyết.

- **Về nợ chung:** Không có, không xem xét giải quyết.

[3] Về ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát và đương sự:

- Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về hướng giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

- Xét yêu cầu của Chị Tr phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận;

4] Về án phí: Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Trần Thị Tr phải nộp 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 266, Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000;

Áp dụng Điều 19, Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, khoản 1 Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Tr, chị Trần Thị Tr được ly hôn với anh Phạm Thành Tr1.

2. Về con chung: Giao con chung cháu Phạm Trần Đan N, sinh ngày 08/4/2014 và cháu Phạm Thành Đức H, sinh ngày 26/02/2017 cho chị Trần Thị Tr trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, tạm thời anh Phạm Thành Tr1 không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Tr1 được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không có, không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có, không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Chị Trần Thị Tr phải nộp 300.000 đồng án phí, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0001545 ngày 01/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố BH. Chị Tr đã nộp đủ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Chị Trần Thị Tr, anh Phạm Thành Tr1 vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ bản án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND TP. BH;
- THA dân sự;
- UBND nơi ĐKKH;
- Dương sự;
- Lưu.

Nguyễn Thị Q

